

Tác giả: Lê Thị Hiệp
Cộng tác viên: Donald Sovie, Stuart Kewley,
Alex Sutton, Richarch Scase



NEW



Cẩm nang định hướng

— **ĐỘT PHÁ HỌC** —

TIẾNG ANH



NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Tác giả: Lê Thị Hiệp



Cẩm nang định hướng
ĐỘT PHÁ HỌC
TIẾNG ANH



NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

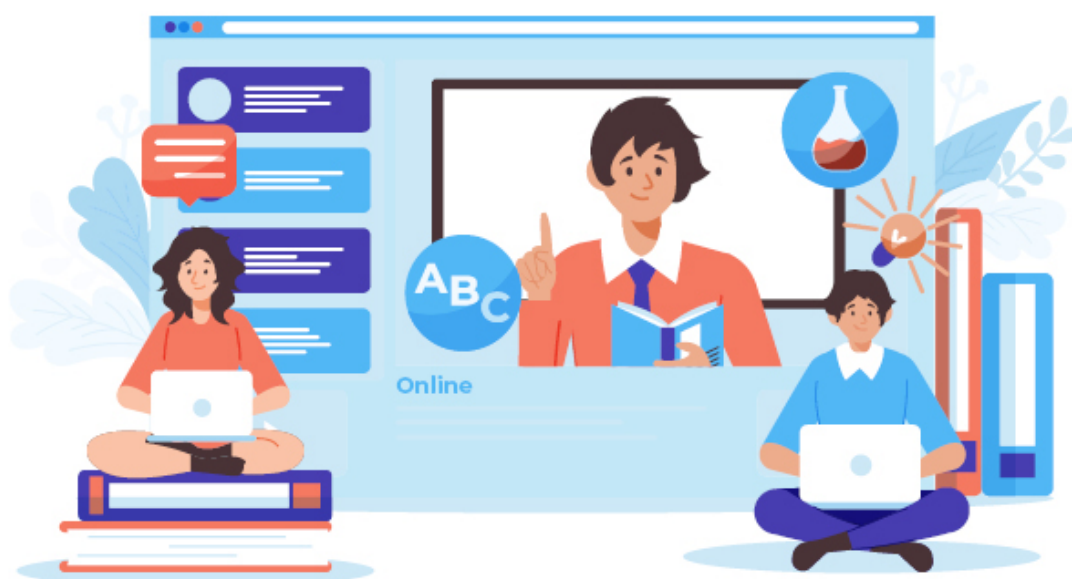
◇ LỜI MỞ ĐẦU ◇

Cuốn cẩm nang tiếng Anh này giúp các học viên nhận thức rõ được học tiếng Anh như thế nào cho đúng cách và đúng phương pháp. Cuốn sách gồm tất cả các định hướng, chiến lược và cách học như thế nào. Không những vậy cuốn sách còn bổ trợ “khẩn” cho bạn học tiếng Anh cấp tốc với hơn 2000 câu, và hơn 1000 từ mới cần thiết để giao tiếp cơ bản nhất, hay gặp trong cuộc sống thường nhật và hỗ trợ một số kiến thức về các nước nói tiếng Anh, các tổ chức Quốc tế, các công thức quy đổi và đo lường trên thế giới cùng nhận định dự báo của tác giả về kinh tế, thương mại, khí hậu và tình hình giáo dục trên toàn thế giới hiện nay và trong tương lai.

Bởi vậy học tiếng Anh được ví như xây một ngôi nhà. Móng là việc bạn nên nhận thức được đam mê, mục đích, mục tiêu, kiên trì hành động như là một nền tảng cho một ngôi nhà. Ngữ pháp như khung nhà, từ mới như những viên gạch, vốn từ vựng như sự rèn luyện của bản thân kết hợp nhuần nhuyễn giữa các thành tố với nhau tạo ra bức tường vĩ đại bền vững của ngữ âm, ngữ điệu thể hiện những sắc màu yếu tố bên ngoài của ngôi nhà “tiếng Anh”.

“Xin chào mừng bạn đến với những bước đầu tiên học tiếng Anh, chúc các bạn đạt được những ước mơ mà mình đã chọn”

Mr. Donald Sovie



Vậy lý thuyết của công thức này là gì? Là đi từ thực tiễn sang lý thuyết, người học không cần phải viết lý thuyết của công thức này.

Ví dụ: S + V + O = Clause -> là 1 cấu trúc đi từ lý thuyết sang thực tiễn. I have eggs, coffee, meat and bread for my breakfast.

2. Phương pháp cho người mất gốc

- 2.1 Liên kết phương pháp cho người mới bắt đầu
- 2.2 Khôi phục toàn bộ những kiến thức rỗng bằng phương pháp logic.
- 2.3 Định hướng và nhận thức đúng mục tiêu
- 2.4 Theo sát từng phần của phương pháp “Blending & Flexible” được gọi tắt là BF.

3. Cấp độ trung cấp

- 3.1 Ôn lại và thực hiện hoặc tự thực hiện một số bài kiểm tra để nắm rõ được tất cả các kiến thức đã được tiếp cận.
- 3.2 Không còn xa lạ với phương pháp BF kết hợp phương pháp tĩnh.
- 3.3 Mở rộng những chủ đề mới các cấp độ cao hơn trong hệ thống Anh ngữ.
- 3.4 Thực hành cho một “GAP” của cấp độ tiếp theo.



1. Học nói

1.1 Ngữ pháp cơ bản

Bạn cần nắm được ngữ pháp cơ bản, các cấu trúc đơn giản để hình thành câu. Hiện tượng logic của ngữ pháp tiếng Anh sẽ giúp chúng ta không bao giờ quên hệ thống này.

Vậy chúng ta nên học từ đơn giản đến phức hợp.

Từ các từ, các loại từ, thời gian, lịch, số đếm, số thứ tự, bố cục có 12 thời chính và 3 thời phụ, các cấu trúc đơn lẻ, các phần ngữ pháp chung như chủ động bị động, trực tiếp gián tiếp, câu điều kiện, các cấp bậc so sánh, đại từ liên hệ...



Chú ý: Khi nói, chúng ta không nhất thiết phải nhớ 100% cấu trúc ngữ pháp, hoặc sợ nói sai ngữ pháp. Chúng ta được sai ít nhất là 1 lần, vấp 2 lần, lần thứ 3 chúng ta sẽ thay đổi được rất nhiều.

HƠN 2000 CÂU CỦA MIỆNG TRONG TIẾNG ANH GIAO TIẾP HÀNG NGÀY

PHẦN DÀNH CHO NHỮNG NGƯỜI HỌC TIẾNG
ANH CẤP TỐC ĐỂ GIAO TIẾP

Chào hỏi làm quen



1. Hello/ Hi

*Xin chào (Khi lần đầu
gặp, Hi là chào khi đã
quen biết nhau)*

2. What's your name?

Tên bạn là gì?

My name is Nga

(Tên tôi là Nga)

2.1 What's your first
name?

*Tên được đặt (tên thật)
của bạn là gì?*

My first name is John.

10. BE GLAD

10.1 I am glad that we are all safe after the storm.

Tôi rất vui khi chúng ta an toàn sau cơn bão.

10.2 I am glad that we have food at home.

Tôi vui khi chúng ta có thực phẩm ở nhà.

10.3 We should be glad to be alive on this planet together.

Chúng ta nên vui vì chúng ta có thể sống cùng nhau trên hành tinh này.



11. BE PLEASED

11.1 I would be pleased to help you find your class.

Tôi rất vui để giúp bạn tìm ra lớp học của mình.

11.2 We would be pleased to assist and support you.

Chúng tôi rất thoải mái để giúp và ủng hộ bạn.

11.3 I would be pleased if you came over tonight.

Tôi sẽ vui nếu như bạn đến vào tối nay.

4. HEALTH, MEDICAL AND SICKNESS - Sức khỏe, y tế và bệnh tật



4.1 Antibiotics

Kháng sinh

4.2 Prescription

Kê đơn thuốc

4.3 Medicine

Thuốc viên thông thường

4.4 Pill

Thuốc con nhộng

4.5 Tablet

Viên thuốc

4.6 Doctor

Bác sĩ

4.7 Nurse

Y tá

4.8 Dentist

Nha sĩ

4.9 Anaesthetist

Bác sĩ gây mê

4.10 Surgeon

Bác sĩ phẫu thuật

4.11 Patient

Bệnh nhân

4.12 Gynecologist

Bác sĩ sản phụ khoa



CÁC NƯỚC NÓI TIẾNG ANH TRONG THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

1. The United States Of America (Hợp chủng quốc Hoa Kỳ) (USA & US)



Diện tích: 9,83 000 000 Sq km

Dân số: 325.150.000 (2017)

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Tiểu bang: 50 tiểu bang

Thủ đô: Washington D.C

Thành phố lớn nhất: New York

Tiền tệ: US dolar



CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ

Hệ thống Liên Hợp Quốc

UN hay U.N. (United Nations) hay UNO, hay U.N.O (United nations Organization) gồm 6 cơ quan chính:

STT	Tên viết tắt	Tên tiếng Anh	Tên tiếng Việt
1		General Assembly	Đại hội đồng
2		Security Council	Hội đồng bảo an
3	ECOSOC	Economic and Social Council	Hội đồng Kinh tế - Xã hội
4		Trusteeship Council	Hội đồng quản thác
5	IC	International Court of Justice	Tòa án quốc tế
6		Secretariat	Ban thư ký



Abp	Archbishop (Tổng giám mục)
AC	Aircraftman (Phi công)
AC	Alternating current (dòng điện xoay chiều)
AD	Anno Domini (Sau khi Chúa Jesu ra đời)
Ad advt	Advertisement (quảng cáo)
Adlib (La-tinh: adlibitum)	Cương, cứng khẩu
a.m (Latinh: ante meridiem)	Trước trưa Từ 00h00 – 12h00
Arr (arrive)	Giờ tàu đến
Ass, Assoc	Assistant (Trợ lý)
Ave	Avenue (đại lộ, phố)
B	Born (sinh năm...)



ĐO, CÂN, ĐONG

STT	TỶ LỆ	CÔNG THỨC
1	Đo	1 foot = 12 inches (0.3048 metre) 1 yard = 3 feet (0.9144 metre) 1 mile = 1.760 yards (1609.35 metres)
2	Theo hệ thống mét	1 centimetre = 10 millimetres (0.3937 inch) 1 metre (39.37 inch) = 100 centimetres 1 kilometre (0.62137 mile) = 1000 metres 1 inch = 2.54 centimetres 1 foot = 0.3048 metre 1 yard = 0.9144 metre 1 mile (mi) = 1609.35 metres



DỰ BÁO MỘT SỐ TÌNH HÌNH KINH TẾ, THƯƠNG MẠI, KHÍ HẬU, Y TẾ THẾ GIỚI VÀ GIÁO DỤC QUỐC TẾ BỞI LÊ THỊ HIỆP VÀ RICHARCH SCASE

Kinh tế, thương mại

Trong những năm vừa qua Việt Nam đã phát triển không ngừng về mặt kinh tế giao thương, thương mại với Quốc tế, mặc dù chịu ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung nhưng Việt Nam không ngừng nắm bắt những lợi thế của các ngành công nghiệp, thủ công và giáo dục. Gần 1000 công ty lớn nhỏ nước ngoài và các doanh nghiệp lớn di chuyển vào Việt Nam để kinh doanh vào năm 2019, hầu hết họ đến từ Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đức, Singapore các nước khối liên minh Châu Âu và Anh Quốc.

Tình hình kinh tế chung toàn cầu không ngừng phát triển cũng như không ngừng biến động leo thang, chúng ta đang đi đến và hoàn toàn sử dụng ngành

Y tế thiếu hụt, cần xây dựng thêm bệnh viện, sản xuất thêm thiết bị nhưng không đồng nghĩa với việc ngành này sẽ có những bước đột phá trong những năm 2018 – 2025. Chúng ta đang chịu ảnh hưởng nặng nề của đại thủy, đại dịch chính vì thế y tế trong những năm này chỉ nằm ở giai đoạn ổn định và phát triển bền vững không bị thâm hụt. Bởi chúng ta đang chung tay cứu vãn tình thế thiếu hụt ở nhiều Quốc gia mà không có nguồn thu. Cho tới khi con người chúng ta nhận thức được những mối cấp bách và nguy hại này 2030 trở đi là thời kỳ ổn định và có những bước đột phá mới trong ngành y tế.

Nếu vậy năm 2030 - 2050 là một thời kỳ mà ngành y tế lại cần phải thay đổi kể cả vấn đề về chế tác thuốc, hệ thống bác sĩ bằng công nghệ AI, EAI, DIGITAL và các thiết bị y tế thông minh.



Cẩm nang định hướng
ĐỘT PHÁ HỌC
TIẾNG ANH



Ms. Hiep Thi Le



Mr. Alex Sutton



Mr. Donald Sovie



Prof. Richarch Scase



Dr. Stuart Kewley

"Tiếng Anh là ngôn ngữ Quốc tế giúp bạn hội nhập kinh tế, thương mại, y học, giáo dục, công nghệ và nhiều ngành khác, thậm chí để vượt qua những rào cản văn hóa sắc tộc, chúc các bạn thành công!"

— AIED TEAM —



"Con đã và đang học Tiếng Anh với cô Alice tại AIED, sau 6 tháng khả năng hùng biện và nghe, nói, đọc, viết của con cải thiện rõ rệt. Con đạt giải Nhất cuộc thi hùng biện tiếng Anh tại AEG"
Hung Đỗ, Trường THCS Lê Quý Đôn TP. Hà Nội

"Sau 1 năm học qua 4 cấp độ của Oxford với cô Alice Hiệp tại AIED, con đạt 9.5 thi Anh vượt cấp đầu vào trường THCS Quốc tế Cambridge của Vương Quốc Anh. Học Anh ở đây thật thú vị, thân thiện và rất hiệu quả"
Cánh Anh Thư Trường THCS Quốc tế Cambridge Anh



"Em đã thi Anh IELTS tại AIED + Hội đồng Anh, đã đạt 7.5 đọc, viết, nghe, nói chỉ trong vòng 7 tháng. Em đỗ 100% học bổng tại Đại Học Quốc tế FPT. Học tại AIED thật hiệu quả và đi đúng chiến lược và mục tiêu của em. Em xin cảm ơn AIED"
Anh Vũ ĐH Quốc tế FPT

"Học và nghiên cứu tiếng Anh của cô Lê Thị Hiệp (Alice) rất thân thiện, nhiệt tình, thú vị và hiệu quả"
Ngân Ngọc Quỳnh - Bác sĩ, Thạc sĩ tại Bệnh viện Đa Khoa TP. Vinh



"Học tại trường Online AIED rất hiệu quả, tiết kiệm thời gian và chi phí, trải nghiệm nền công nghệ mới và phương pháp mới giúp em cải thiện khả năng tiếng Anh tốt"
Vương Vũ - HV ĐH Online AIED

"Con học tiếng Anh ở đây thật vui thích có thể làm bạn với tất cả các bạn bè khắp cả nước và nói chuyện với các thầy, cô ở nước ngoài bằng tiếng Anh"
Trọng Tâm Trường THCS Đông Bắc A



"Con cảm thấy học ở đây rất hiệu quả, nhiều kiến thức, đa dạng chủ đề đạt kết quả nhanh tuy nhiên khi học cần tập trung cao. Nhưng con rất thích thử thách"
Việt Đỗ - Trường THCS Dịch Vọng A. Đạt giải Nhì tại cuộc thi hùng biện Tiếng Anh, AEG và giải nhì Toán, tiếng Anh Châu Á tại Hàn Quốc 2019.

"Con thích học tiếng Anh online 3B tại AIED rất hiệu quả, tiết kiệm chi phí và thời gian, được định hướng học tiếng Anh đúng cách"
Hoàng Lê Gia Bảo HV. ĐH online 3B AIED



Leading You To A Better Future

EURASIA EDUCATIONAL DYNAMICS



THE EURASIA CONCORDIUM
 Born Global with An Emergent Market Focus

ISBN 978604778075-4



9 786047 780754

Giá: 200.000 VNĐ

Lê Thị Hiệp
Stuart Kewley (Oxford)



NEW

INTERNATIONAL ENGLISH PHONICS

INTERMEDIATE LEVEL

NGŨ ÂM TIẾNG ANH QUỐC TẾ
CẤP ĐỘ TRUNG CẤP

With 1
Audio CD



NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

INTRODUCTION

GIỚI THIỆU

Listening 1 - Nghe 1



VOWELS AND CONSONANTS

Nguyên âm và phụ âm

English alphabet

A, a	B, b	C, c	D, d	E, e	F, f	G, g
/eɪ/	/bi:/	/si:/	/di:/	/i:/	/ef/	/dʒi:/
H, h	I, i	J, j	K, k	L, l	M, m	N, n
/ertʃ/	/aɪ/	/dʒeɪ/	/keɪ/	/el/	/em/	/en/
O, o	P, p	Q, q	R, r	S, s	T, t	U, u
/oʊ/	/pi:/	/kju:/	/ɑ:r/	/es/	/ti:/	/ju:/
	V, v	W, w	X, x	Y, y	Z, z	
	/vi:/	/ˈdʌbəlˌju:/	/eks/	/waɪ/	/zed/	

International phonetic alphabet

MONOPHTHONGS				DIPHTHONGS		 Lead To Your Future Better http://www.aied-co.com			
/ɑ:/ car /kɑ:(r)/	/ʌ/ bus /bʌs/	/æ/ cat /kæt/	/e/ dress /dres/	/aɪ/ try /traɪ/	/aʊ/ cow /kaʊ/				
/i:/ sea /si:/	/ɪ/ sit /sɪt/	/ɜ:/ nurse /nɜ:s/	/ə/ open /'əʊpən/	/əʊ/ phone /fəʊn/	/eɪ/ pay /peɪ/				
/ɔ:/ law /lɔ:/	/ɒ/ top /tɒp/	/u:/ shoe /ʃu:/	/ʊ/ look /lʊk/	/eə/ care /keə(r)/	/ɪə/ ear /ɪə(r)/				
VOWELS						/ɔɪ/ boy /bɔɪ/	/ʊə/ poor /puə(r)/		
CONSONANTS		/b/ ball /bɔ:l/	/d/ day /deɪ/	/ð/ those /ðəʊz/	/θ/ thing /θɪŋ/	/dʒ/ july /dʒu'laɪ/	/f/ flag /flæg/	/g/ green /gri:n/	/h/ happy /'hæpi/
		/j/ year /jɪə(r)/	/k/ key /ki:/	/l/ learn /lɜ:n/	/m/ math /mæθ/	/n/ noun /naʊn/	/ŋ/ single /'sɪŋgl/	/p/ pie /paɪ/	/r/ red /red/
		/s/ see /si:/	/ʃ/ she /ʃi:/	/ʒ/ joy /dʒɔɪ/	/t/ tea /ti:/	/tʃ/ march /mɑ:tʃ/	/v/ vest /vest/	/w/ wait /weɪt/	/z/ zebra /'zebrə/

Triphthongs

eɪə	aɪə	ɔɪə	əʊə	aʊə
player /'pleɪ.ər/	liar /'laɪ.ər/	loyal /'lɔɪ.əl/	mower /'məʊ.ər/	power /paʊər/

1. There are 26 letters in the English alphabet

Có 26 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Anh

2. There are five vowel letters - A E I O U

Có 5 từ nguyên âm đó là A E I O U



3. These 26 letters can make 44 vowel and consonant sounds in English (see IPAB).

It consists of 12 monothongs, 8 diphthongs, and 24 consonants.

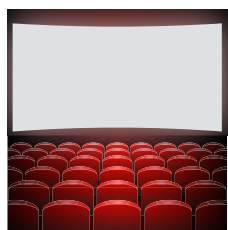
26 chữ cái này có thể tạo ra 44 âm, nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh. Trong đó có 12 nguyên âm đơn, 8 nguyên âm đôi và 24 phụ âm.



4. The number of letters can be the same as the number of sounds:

Số lượng chữ cái có thể bằng với số lượng âm của một từ:

Rest = r-e-s-t



5. The number of letters can be more than the number of sounds:

Số lượng chữ cái có thể nhiều hơn lượng âm của một từ:

Screen = s-c-r-ee-n (ee is one sound)
(ee là một âm)



6. The number of letters can be less than the number of sounds:

Số lượng chữ cái có thể ít hơn số lượng âm:

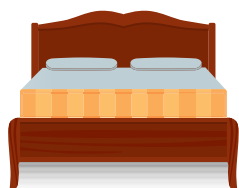
Mix = m-i-x (x is pronounced as k + s)
(x được phát âm như k + s)



7. Some letters can be silent:

Một vài chữ cái có thể là âm câm:

Listen = l-i-s-(t)-e-n (the t is not pronounced)
(chữ t không phát âm)



8. Some of the same sounds are written differently:

Một vài âm phát âm giống nhau nhưng có cách viết khác nhau:

B-e-d and d-ea-d have the same 'e' sound
but different spellings

Từ B-e-d và từ d-ea-d đều có âm 'e' nhưng viết khác nhau



9. Some words sound the same but are spelled differently (homophones)

Có vài từ nghe phát âm giống nhau nhưng viết khác nhau (đồng âm)

'No' and 'know' are both pronounced n-o

Từ 'No' và 'know' đều được phát âm là n-o

PRACTICE

Luyện tập



1. Count the number of sounds in the following words, and then fill the following columns with 1 syllable and 2 syllables words.

Đếm số lượng âm có trong những từ sau, sau đó điền vào cột những từ một âm tiết và hai âm tiết:

Apple, egg, ant, book, back, milk, open, close, bread, ring

1 syllable 1 âm tiết	2 syllable 2 âm tiết
ant	

2. In the groups below every word will have a common sound apart from one:

Trong các từ sau có 1 từ có phát âm khác với các từ còn lại:



Wine
/waɪn/



Bin
/bɪn/



Time
/taɪm/



Shine
/ʃaɪn/

- The word 'bin' has a short vowel sound but the others have a long vowel sound.

Từ 'bin' có nguyên âm ngắn /ɪ/ nhưng các từ còn lại có nguyên âm dài /aɪ/.

Now, find the different sound:

Tìm ra âm khác loại:

Example:

Ví dụ: Bit, finger, mint, mine, bin, thing

- Pot, hot, home, drop, bottle, stop
- Bet, test, address, empty, bean, vest
- Jumper, put, mum, pump, under, umbrella
- Ant, mat, band, hands, came, cats

3. Read each word and count the syllable, draw a slash '/' between the syllables:

Đọc các từ và đếm số âm tiết, vẽ dấu gạch chéo giữa các âm tiết:

Example:

Ví dụ: La/dy

Lê Thị Hiệp
Stuart Kewley (Oxford)

NEW



INTERNATIONAL ENGLISH PHONICS AND EXPRESSION

UPPER LEVEL

NGỮ ÂM HỌC VÀ CÁCH DIỄN ĐẠT TIẾNG ANH QUỐC TẾ
CẤP ĐỘ NÂNG CAO



PhD
Stuart Kewley

Ms
Hiệp Lê

Mr
Alexander Sutton



With 1
Audio CD



NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

- In order to recognize and pronounce sentences with the correct stress, we have 3 basic rules. They are : **Content words, structure / function words, and shifting stress.**

Để nhận ra và phát âm trọng âm của câu chính xác, có 3 quy tắc cơ bản bên dưới đây. Đó là: **Các từ nội dung, các từ cấu trúc / chức năng và dịch chuyển trọng âm.**

- **Content words** are **accentuated**, **structure or function words** are **not stressed**. **Shifting stress** can change and emphasize things that the speaker wants to compare or help show their attitude and opinion about the topic.

Từ nội dung được **nhấn mạnh**, **cấu trúc hoặc các từ chức năng không được nhấn mạnh.**

Thay đổi trọng âm nhằm thay đổi và nhấn mạnh những điều mà người nói muốn so sánh, tạo sự đối chiếu hoặc thể hiện thái độ, ý kiến của họ về những gì người nghe yêu cầu hoặc muốn chắc chắn một điều gì đó.

- Basically, content words and structure / function words have strict rules, and they are hardly changed. However, shifting stress is used to change the accentuated words that speakers want to emphasise to help show their attitude or opinion about something.

Về cơ bản, từ nội dung và từ cấu trúc / chức năng là các quy tắc nghiêm ngặt và chúng hầu như không thay đổi. Tuy nhiên, sự thay đổi trọng âm được sử dụng để thay đổi các từ nhấn mạnh mà người nói muốn nhấn mạnh thông tin hoặc thể hiện thái độ hay ý kiến của họ về điều gì đó.

LISTENING 1 - NGHE 1



CONTENT WORDS – ACCENTUATION - TỪ CHứa NỘI DUNG – NHẤN MẠNH

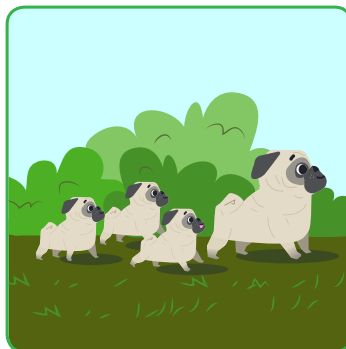
1. **Main verbs:**
(Động từ chính):

teach, type, write, follow, advice, protect, etc.

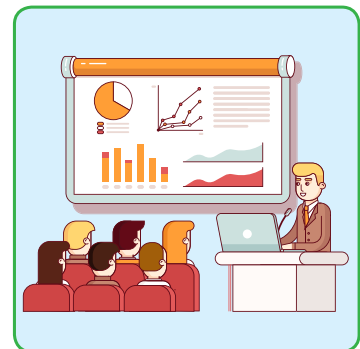
Example - Ví dụ:



He is **doing** his homework.



The **puppies** follow their **mom**.



Dr Harry is **teaching** economics.

② **Nouns:**
(Danh từ):

nurse, engineer, translator, vendor, etc.

Example - Ví dụ:



She is a **nurse**.



They are **engineers**.

③ **Adjectives**
(Tính từ):

mean, beautiful, friendly, amazed, etc.

Example - Ví dụ:



They are so **friendly**.



That **butterfly**
is **beautiful**.

④ **Adverbs:**
(Trạng từ):

beautifully, carefully, slowly, fast, etc.

Example - Ví dụ:



He **sings** beautifully.



Jane **drives** very carefully.

5. Negative auxiliaries:
(Trợ động từ phủ định):

can't, don't, haven't, hasn't

Example - Ví dụ:



I **can't** swim

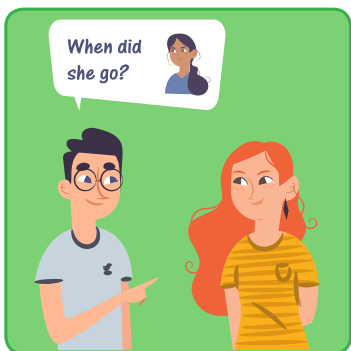


She **hasn't** got a new bike

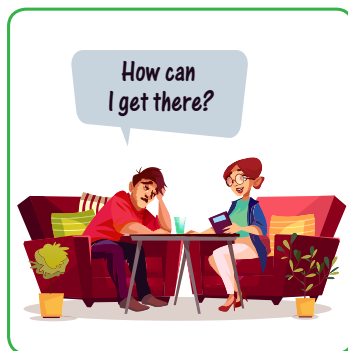
6. Question words:
(Từ để hỏi):

what, when, where, how

Example - Ví dụ:



When did she go?



How can I get there?

7. Determiners:

(Từ hạn định):

this, that, those, my

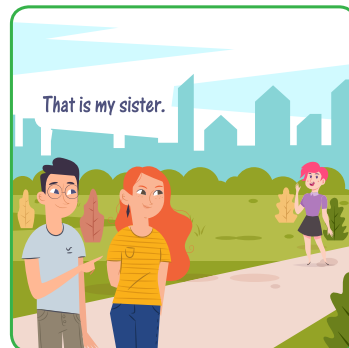
Example - Ví dụ:



This is her hat.



Those are my books.



That is my sister.

LISTENING 2 - NGHE 2



STRUCTURE WORDS / FUNCTION WORDS - UNSTRESSED TỪ CHỈ CẤU TRÚC / CHỨC NĂNG – KHÔNG NHẤN MẠNH

1. Pronouns:

(Đại từ):

He, she, they, it, I, you, we, etc.

Example - Ví dụ:

They are a group of delegates from the U.S.



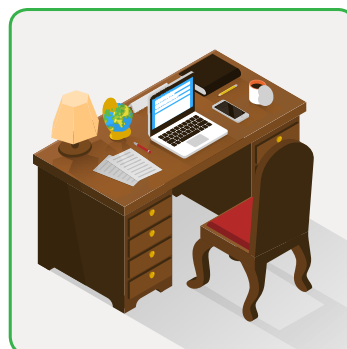
2. Prepositions:

(Giới từ):

on, in, at, behind, opposite, of, under, above, etc.

Example - Ví dụ:

There is a laptop on the table.



3. Articles:

(Mạo từ):

a, an, the

Example - Ví dụ:



I have a phone and an ink bottle.



I go to school in the morning.

4. Conjunctions:

(Liên từ (từ nối)):

FANBOYS (For, And, Nor, But, Or, Yet, So), after, before, while, when, even if, where, although, because, as long as, since, so that, in case, not only...but also, etc.

Example - Ví dụ:

John studies English so that he can promote his career.



5. Auxiliary verbs:

(Trợ động từ):

do, be, have, can, must

Example - Ví dụ:

He can play football



LISTENING 3 - NGHE 3



SHIFTING STRESS - THAY ĐỔI TRỌNG ÂM CÂU

- To show contrast and disagreement, change the usual patterns of sentence stress.
Để chỉ sự đối lập, không đồng ý, thay đổi trọng âm thông thường của câu.

Example - Ví dụ:

- A. They have been to Ho Chi Minh city, haven't they?
B. No, **they** haven't, but **we** have.

A **woman without** her **man** is **nothing**.
A **woman**: without **her**, **man** is **nothing**.

I never said that she stole my money. (means that THEY never said that she stole their money. Rather, someone else had said it and this person implicitly agreed with them).

Jane will go to the cinema tomorrow.

Jane **will** go to the cinema tomorrow.

Jane will **go** to the cinema tomorrow.

Jane will go **to** the cinema tomorrow.

Jane will go to the **cinema** tomorrow.

Jane will go to the cinema **tomorrow**.

LISTENING 4 - NGHE 4



PRACTICE - LUYỆN TẬP

1. Read each sentence out loud and follow this process:

(Đọc to các câu sau đây và làm theo trình tự sau):

- Underline the content words
(Gạch chân từ chứa nội dung)
- Mark each stressed syllable
(Đánh trọng âm của từ)
- Find the vowel sound on each strong stress and write it
(Tìm nguyên âm trong các từ đó và viết ra)

a. I usually get on the bus at six twenty-eight.